

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH HƯNG YÊN**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 37/2023/HNGĐ-ST
Ngày 27 - 4 - 2023
V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH HƯNG YÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trương Quang Tú

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Văn Nguyên

Bà Đinh Thị Hương

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Bá Thuận, là Thư ký tòa án của Tòa án nhân dân tỉnh Hưng Yên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hưng Yên tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Hà, Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 4 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hưng Yên xét xử sơ công khai vụ án thụ lý số 88/2022/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 12 năm 2022 về tranh chấp Hôn nhân và gia đình, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 24/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 07 tháng 4 năm 2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1995; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: thôn G.H, xã H.T.M, huyện A.T, tỉnh Hưng Yên; Địa chỉ: Đài Loan; “vắng mặt”

- *Bị đơn:* Anh Phan Văn T, sinh năm 1988; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: thôn G.H, xã H.T.M, huyện A.T, tỉnh Hưng Yên; Địa chỉ: Số 19 đường Shunfan, Quận Dajia, thành phố Đài Trung, Đài Loan; “vắng mặt”

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Cháu Phan Thị Bích Tr, sinh ngày 03 tháng 9 năm 2013;

2. Cháu Phan Thị Thủy T1, sinh ngày 22 tháng 10 năm 2015;

Người giám hộ cho cháu Tr, cháu T1: Chị Nguyễn Thị H, là mẹ

Đều địa chỉ: thôn G.H, xã H.T.M, huyện A.T, tỉnh Hưng Yên.

- *Người làm chứng:*

1. Bà Nguyễn Thị A, sinh năm 1969;
2. Bà Nguyễn Thị T2, sinh năm 1964;

Đều địa chỉ : thôn G.H, xã H.T.M, huyện A.T, tỉnh Hưng Yên.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ghi ngày 26 tháng 7 năm 2022, và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Nguyễn Thị H trình bày: Chị và anh Phan Văn T tự nguyện kết hôn và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H.T.M, huyện A.T, tỉnh Hưng Yên ngày 20 tháng 10 năm 2012. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống đến khoảng cuối năm 2017 thì anh T đi làm việc tại Đài Loan dẫn đến phát sinh mâu thuẫn do không thống nhất về quan điểm sống và nuôi dạy con. Cuối năm 2018 chị đi Đài Loan làm việc nhưng vợ chồng không quan tâm thăm hỏi nhau. Do không giải quyết được mâu thuẫn và đã không còn liên hệ với nhau từ năm 2019 nên tình cảm vợ chồng không còn đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh T.

Vợ chồng có hai con chung là Phan Thị Bích Tr, sinh ngày 03 tháng 9 năm 2013 và Phan Thị Thủy T1, sinh ngày 22 tháng 10 năm 2015 đều đang sống cùng bà Nguyễn Thị A, mẹ chị nên chị đề nghị được tiếp tục nuôi cả hai con khi ly hôn và không yêu cầu được cấp dưỡng nuôi con.

Chị Nguyễn Thị H không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản, nghĩa vụ chung, công sức của vợ chồng và các vấn đề khác.

Bị đơn anh Phan Văn T công nhận lời khai của chị H về thời gian anh chị kết hôn, nơi đăng ký kết hôn, quá trình chung sống cùng tài sản, nghĩa vụ chung, công sức của vợ chồng và trình bày: Do vợ chồng không thống nhất về quan điểm sống và chị H có biểu hiện không chung thủy nên vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2021. Chị H đã không liên lạc với anh cùng gia đình chồng nên anh nhất trí đề nghị Tòa án giải quyết cho vợ chồng được ly hôn.

Con chung của vợ chồng là Phan Thị Bích Tr, sinh ngày 03 tháng 9 năm 2013 và Phan Thị Thủy T1, sinh ngày 22 tháng 10 năm 2015 đều đang sống cùng bà ngoại nên khi ly hôn anh nhất trí để chị H nuôi cả hai con và anh không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Vợ chồng không có tài sản, nghĩa vụ chung và công sức với hai bên gia đình nên anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan cháu Phan Thị Bích Tr, sinh ngày 03 tháng 9 năm 2013 và Phan Thị Thủy T1, sinh ngày 22 tháng 10 năm 2015 đều đề nghị được ở với mẹ nếu bố mẹ ly hôn.

Người làm chứng là bà Nguyễn Thị T2 trình bày: Anh T và chị H kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H.T.M ngày 20 tháng 10 năm 2012. Anh chị chung sống cùng gia đình bà nhưng ăn riêng, thời gian chung sống vợ chồng thường to tiếng mâu thuẫn không quan tâm đến nhau. Năm 2017 anh T đi làm việc tại Đài Loan và năm 2018 chị H đi lao động tại Đài Loan, nhưng vợ chồng không liên lạc với nhau. Gia đình đã trao đổi nhưng chị H không quay về chung sống nên vợ chồng không còn tình cảm với nhau. Anh T và chị H có hai con chung là Phan Thị Bích Tr, sinh ngày 03 tháng 9 năm 2013 và Phan Thị Thủy T1, sinh ngày 22 tháng 10 năm 2015, thời gian chung sống anh chị không liên quan với gia đình về kinh tế. Do anh T đang ở Đài Loan nên bà nhất trí nhận các văn bản tố tụng thay anh T và cam đoan sẽ giao cho anh T.

Bà Nguyễn Thị A trình bày: Chị H và anh T kết hôn tự nguyện và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H.T.M ngày 20 tháng 10 năm 2012 nhưng thời gian chung sống anh chị đã phát sinh mâu thuẫn do không thống nhất về lối sống, việc nuôi dạy con. Năm 2017 anh T đi làm việc tại Đài Loan và năm 2018 chị H đi lao động tại Đài Loan, nhưng vợ chồng không quan tâm đến nhau và không liên lạc với nhau từ năm 2019. Gia đình đã trao đổi nhưng vợ chồng không thay đổi và không liên quan đến nhau về kinh tế. Anh chị có hai con chung là Phan Thị Bích Tr, sinh ngày 03 tháng 9 năm 2013 và Phan Thị Thủy T1, sinh ngày 22 tháng 10 năm 2015 đang ở với bà nên nếu chị H được nuôi con bà sẽ có trách nhiệm chăm sóc thay chị H trong thời gian chưa về nước. Anh chị không liên quan với gia đình bà về kinh tế, công sức. Bà nhất trí ủy quyền của chị H nhận các văn bản tố tụng thay chị H.

Ủy ban nhân dân xã H.T.M, huyện A.T, tỉnh Hưng Yên cung cấp: Anh Phan Văn T và chị Nguyễn Thị H tự nguyện kết hôn có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H.T.M ngày 20 tháng 10 năm 2012. Anh chị chung sống tại gia đình bố mẹ đẻ anh T đến năm 2017 anh T đi lao động tại Đài Loan và năm 2018 chị H tiếp tục sang Đài Loan làm việc. Thời gian chung sống anh chị đã phát sinh mâu thuẫn, thường xuyên to tiếng do không thống nhất về quan điểm sống. Anh chị có hai con chung là Phan Thị Bích Tr, sinh ngày 03 tháng 9 năm 2013 và Phan Thị Thủy T1, sinh ngày 22 tháng 10 năm 2015 đều đã tự xác định về việc sống cùng bố hay mẹ nên đề nghị Tòa án giải quyết theo quan điểm của các cháu.

Cục quản lý xuất nhập cảnh Bộ Công An cung cấp: Theo dữ liệu Cục Quản lý xuất nhập cảnh:

Có trường hợp Phan Văn T, sinh ngày 06/11/1988 tại Hưng Yên; CMND số: 033088002832; khai hộ khẩu thường trú: H.T.M, A.T, Hưng Yên; đã sử dụng hộ chiếu số C3843635 để xuất cảnh ngày 29/9/2017 qua cửa khẩu Nội Bài, hiện chưa có thông tin nhập cảnh.

Có trường hợp Nguyễn Thị H, sinh ngày 15/07/1995 tại Hưng Yên; CMND số: 145619614; khai hộ khẩu thường trú: thôn G.H, H.T.M, huyện A.T, Hưng Yên; đã xuất nhập cảnh 03 lần; lần cuối sử dụng hộ chiếu số C4111957 để xuất cảnh ngày 25/8/2022 qua cửa khẩu Nội Bài, hiện chưa có thông tin nhập cảnh.

Tại phiên tòa

Chủ tọa phiên tòa công bố trình bày của các đương sự, người làm chứng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hưng Yên phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng: Kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng đã chấp đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 51, 56, 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình, Điều 147 BLTTDS, Nghị quyết 326 ngày 30/12/2016 của UBTVQH xử: Chấp nhận đơn khởi kiện của chị Nguyễn Thị H, cho chị H được ly hôn với anh Phan Văn T. Giao chị H nuôi dưỡng, chăm sóc hai con là Phan Thị Bích Tr, sinh ngày 03 tháng 9 năm 2013 và Phan Thị Thủy T1, sinh ngày 22 tháng 10 năm 2015; Công nhận sự tự nguyện của chị H không yêu cầu được cấp dưỡng nuôi con. Chị H phải chịu án phí sơ thẩm ly hôn.

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Trên cơ sở xem xét, đánh giá toàn diện, khách quan, đầy đủ các chứng cứ, lời trình bày của các đương sự, quan điểm của Kiểm sát viên tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Theo công văn số 7711/QLXNC-P5 ngày 05 tháng 4 năm 2023 và Công văn số 9827/QLXNC-P5 ngày 28 tháng 4 năm 2023 của Cục Quản lý xuất nhập cảnh Bộ công an đã có căn cứ xác định nguyên đơn chị Nguyễn Thị H và bị đơn anh Phan Văn T đang sinh sống tại nước ngoài nên Tòa án nhân dân tỉnh Hưng Yên thụ lý, giải quyết vụ án là phù hợp quy định tại Điều 35, và điểm c khoản 1 Điều 37 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Nguyên đơn, bị đơn và người làm chứng đều đề nghị giải quyết vắng mặt nên Tòa án tiến hành xét xử vụ án theo Điều 228, Điều 229 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Chị Nguyễn Thị H và anh Phan Văn T kết hôn tự nguyện và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H.T.M, huyện A.T ngày 20 tháng 10 năm 2014 nên hôn nhân của anh chị được pháp luật công nhận. Sự thừa nhận của anh chị phù hợp với cung cấp của người làm chứng và Ủy ban nhân dân xã H.T.M đã có căn cứ xác định vợ chồng đã sống ly thân, bỏ mặc không quan tâm đến nhau mặc dù đã được gia đình khuyên giải chứng tỏ tình trạng hôn nhân đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài việc anh chị đều đề nghị được ly hôn là phù hợp với thực tế hôn nhân nên được chấp nhận

[4] Quan điểm của anh chị về con chung khi ly hôn phù hợp với nguyện vọng của con nên sẽ giao chị H nuôi dưỡng chăm sóc hai con là Phan Thị Bích Tr, sinh ngày 03 tháng 9 năm 2013 và Phan Thị Thủy T1, sinh ngày 22 tháng 10 năm 2015. Quan điểm của chị H không yêu cầu được cấp dưỡng nuôi con sau khi ly hôn là tự nguyện và phù hợp thực tế nuôi dưỡng chăm sóc con nên được chấp nhận.

Chị Nguyễn Thị H và anh Phan Văn T không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản, nghĩa vụ chung của vợ chồng và các vấn đề khác nên không xem xét.

[5] Chị Nguyễn Thị H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điểm c khoản 1 Điều 37; khoản 1 Điều 228, Điều 229, khoản 4 Điều 147; khoản 2 Điều 479 Bộ luật Tố tụng dân sự. Khoản 1 Điều 56, các Điều 81, 82, 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị H

1. Quan hệ hôn nhân: Cho chị Nguyễn Thị H ly hôn anh Phan Văn T.

2. Con chung: Giao chị Nguyễn Thị H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc con chưa thành niên là Phan Thị Bích Tr, sinh ngày 03 tháng 9 năm 2013 và Phan Thị Thủy T1, sinh ngày 22 tháng 10 năm 2015;

Công nhận sự tự nguyện của chị Nguyễn Thị H không yêu cầu được cấp dưỡng nuôi con chung; trên cơ sở lợi ích của con, chị H có quyền yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chưa thành niên.

Anh Phan Văn T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con, không ai được cản trở anh T thực hiện quyền này; nếu anh T lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì chị H có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế việc thăm nom con của anh T.

Anh Phan Văn T, chị Nguyễn Thị H hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con.

3. Tài sản, nghĩa vụ chung và các vấn đề khác: Không giải quyết.

4. Án phí: Chị Nguyễn Thị H phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp theo Biên lai thu số 0000192 ngày 21 tháng 12 năm 2022 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Hưng Yên; chị H đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

5. Quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Thị H và anh Phan Văn T được quyền kháng cáo trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày bản án được tổng đạt hoặc niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Hưng Yên;
- Các đương sự;
- UBND xã H.T.M;
- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- Cục THADS tỉnh Hưng Yên;
- Lưu: VT, hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trương Quang Tú